

Bản án số: 89/2025/HC-PT

Ngày: 22-01-2025

V/v: “*Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự.

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường và ông Phạm Ngọc Thái.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Xuân Lộc, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Thế Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 363/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 164/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X**; cùng trú tại: **Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: ông **Phạm Hữu H**; trú tại: **5 Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh**.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông **Lê Đình C** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông **Nguyễn Thọ K** - Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất huyện E.

+ Bà **Nguyễn Thị L** - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tư pháp huyện Ea

Kar.

Người kháng cáo: người khởi kiện ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:

Để thực hiện công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng **đường C - Buôn M, UBND huyện E** đã thu hồi của hộ ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** diện tích 67,8m² thuộc thửa đất 139/91 tại **thôn T, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Diện tích đất bị thu hồi nói trên có nguồn gốc do ông bố của bà **Dương Thị X** là ông **Dương Quý L1** khai hoang vào năm 1998. Đến năm 2003 thì ông **L1** cho vợ chồng ông **T**, bà **X**. Năm 2008, ông **T**, bà **X** xây nhà ở ổn định đến nay.

Ngày 15/9/2023, **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 322/QĐ – **UBND** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại dự án nêu trên, theo đó, hộ ông **Trịnh Minh T** không được bồi thường về đất mà được hỗ trợ 50% giá đất, hỗ trợ 60% đối với tài sản, vật kiến trúc, không hỗ trợ về cây trồng với tổng số tiền là 43.194.186 đồng.

Ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** không đồng ý với Quyết định bồi thường nói trên, bởi lẽ:

Diện tích đất bị thu hồi của hộ ông **Trịnh Minh T** có nguồn gốc là đất khai hoang từ năm 1998, sau đó hộ ông **T** xây dựng nhà cửa, sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp với ai, cũng không bị cơ quan nào xử phạt hành chính nên đủ điều kiện để được bồi thường về đất, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Việc **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 322/QĐ – **UBND** ngày 15/9/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 chỉ hỗ trợ 50% giá đất, hỗ trợ 60% đối với tài sản, vật kiến trúc, không hỗ trợ về cây trồng cho hộ ông **Trịnh Minh T** là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X**.

Do đó, ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Hủy một phần Quyết định số 322/QĐ – **UBND** ngày 15/9/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 đối với hộ ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị Xuân**

Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ mới cho hộ ông **Trịnh Minh T1** theo mức bồi thường 100% về đất, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện ông **Lê Đình C** trình bày:

- Về nguồn gốc sử dụng đất:

Hộ ông **Trịnh Minh T** sử dụng 67,8m² đất thuộc phạm vi thu hồi. Tại thửa đất số 139 tờ bản đồ số 91 theo trích lục bản đồ địa chính số 2293/TL-CNEK-KTĐC, do chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai huyện E** cấp ngày 15/05/2023.

Căn cứ Giấy xác nhận số 171/GXN-UBND ngày 21/06/2023 của **UBND xã C** xác nhận: hộ ông **Trịnh Minh T** lần chiếm sử dụng đất năm 2005. Diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của **UBND tỉnh Đ** về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất **công ty L3** giao cho **UBND huyện E** quản lý; xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Từ năm 2005 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp

- Về bồi thường về đất:

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”.

Căn cứ theo Điều 82, Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất:

Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;
2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;
3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;

4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.”

5. Đối với các thửa đất không sử dụng đất trên 12 tháng đối với cây hàng năm và 18 tháng đối với cây lâu năm thì không xem xét hỗ trợ về đất.”

Căn cứ Giấy xác nhận số 171/GXN-UBND ngày 21/06/2023 của UBND xã C xác nhận: hộ ông **Trịnh Minh T** lấn chiếm sử dụng đất năm 2005. Diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3 ha đất Công ty L3 giao cho UBND huyện E quản lý.

Từ các căn cứ nêu trên thì toàn bộ diện tích thuộc phạm vi thu hồi của hộ ông **Trịnh Minh T** không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

- Về hỗ trợ về đất:

Căn cứ Khoản 2, Điều 20, Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ:

“ Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai, không thuộc trường hợp sử dụng đất vượt hạn mức theo Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013 và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT – TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

đ) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ.

e) Thời điểm sử dụng đất để xác định hỗ trợ theo các điểm a, b, c, d, đ khoản này là thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi ban hành Thông báo thu hồi đất.”

Căn cứ Giấy xác nhận số 171/GXN-UBND ngày 21/06/2023 của UBND xã C xác nhận: hộ ông **Trịnh Minh T** lấn chiếm sử dụng đất từ năm 2005 nên được

hỗ trợ theo điểm c khoản 2, Điều 20 về đất.

- Về hỗ trợ khác về tài sản, vật kiến trúc

+ **Về đơn giá tài sản, vật kiến trúc:** Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND, ngày 12/6/2023 của **UBND tỉnh Đ** về việc ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

+ Về mức hỗ trợ: Căn cứ điểm a và điểm b, khoản 4, Điều 20, Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**:

“a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân cụ thể như sau:

- Xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.

- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.

b) Nhà, công trình không phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân được hỗ trợ như sau:

- Xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.

- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.”

+ Về thời điểm tạo lập tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất: Căn cứ vào kết quả xác định thời điểm của **UBND xã C**.

Căn cứ thời điểm xác nhận thời điểm tạo lập tài sản của hộ ông **Trịnh Minh T** được tạo lập vào năm 2008. Xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất do đó được hỗ trợ 60% đối với nhà ở, tài sản vật kiến trúc gắn liền trên đất giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

- Về hỗ trợ khác về cây trồng:

Căn cứ theo biên bản kiểm đếm ngày 28/02/2023 cây trồng của hộ gia đình ông **Trịnh Minh T** được ghi nhận làm phần hai phần. Một phần cây trồng nằm ngoài phạm vi thu hồi và một phần nằm trong phạm vi thu hồi nhưng nằm trong hành lang an toàn giao thông. Do đó đối với cây trồng của hộ gia đình không được hỗ trợ.

Từ những căn cứ nêu trên và các quy định pháp luật khác có liên quan. Việc **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/09/2023, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1; Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 15/09/2023, về việc thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 trên địa bàn **xã C** đối với hộ ông **Trịnh Minh T** là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Do đó, việc hộ ông **Trịnh Minh T** đề nghị hủy một phần Quyết định số Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/09/2023, của **UBND huyện E** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc **Khánh Hòa - Buôn M**, giai đoạn 1 và buộc **UBND huyện E** bồi thường cho gia đình ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** theo đúng quy định của pháp luật là không có cơ sở; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 164/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ: khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** về

việc:

- Hủy một phần Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1 đối với hộ ông Trịnh Minh T, bà Dương Thị X ;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ mới cho hộ ông Trịnh Minh T, bà Dương Thị X theo mức bồi thường 100% về đất, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, cho ông Trịnh Minh T, bà Dương Thị X theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 24/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh T, bà Dương Thị X.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở, không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi:

Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 49/2024/TLST-HC, ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” giữa người khởi kiện ông Dương Quý L1, bà Đặng Thị L2 với người bị kiện Ủy ban nhân dân xã E, ông Dương Quý L1 có cung cấp 01 Đơn xin xác nhận được Công an xã C xác nhận với nội dung: “Căn cứ vào bản khai của công dân tại tàng thư Công an huyện E, công dân Dương Quý Lâm sinh năm 1958 sinh sống tại thôn F, xã C, E, Đắc Lắc từ năm 2003 đến nay”. Do đó, việc người khởi kiện ông Trịnh Minh T cho rằng diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc do ông Dương Quý L1 khai hoang từ năm 1998, đến năm 2003 tặng cho vợ chồng ông T, bà X là không đúng.

[2]. Căn cứ Kết quả xác nhận số 171/GXN – UBND ngày 21/6/2023 của

UBND xã C thể hiện: Nguồn gốc sử dụng đất: lấn chiếm, sử dụng đất năm 2005, diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3ha đất Lâm trường Ea Kar giao cho UBND huyện E quản lý, thửa đất chưa được cấp GCNQSD đất.

Như vậy, có căn cứ xác định thời điểm hộ ông **Trịnh Minh T** bắt đầu sử dụng đất là năm 2005.

[3]. Xét yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất:

Do diện tích đất của ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** có nguồn gốc do lấn chiếm đất của UBND huyện E quản lý, thuộc quy hoạch đất giao thông nên hộ ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

[4]. Thời điểm lấn chiếm đất của hộ ông **Trịnh Minh T** là năm 2005 nên việc UBND huyện E đã hỗ trợ cho hộ ông **Trịnh Minh T** 50% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q là phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Xét yêu cầu bồi thường 100% giá trị tài sản, vật kiến trúc thấy rằng:

Việc UBND huyện E hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành đối với tài sản, vật kiến trúc đối với hộ ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** là đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

[6]. Đối với yêu cầu bồi thường đối với cây trồng trên đất:

Căn cứ Biên bản về việc thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 28/02/2023 thể hiện: các loại cây cối, hoa màu trên đất gồm 02 cây xoan đào nằm trong hành lang đường và một số cây trồng nằm ngoài ranh thu hồi nên không đủ điều kiện được hỗ trợ. Việc UBND huyện E không hỗ trợ đối với cây trồng trên đất cho hộ ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** là đúng quy định của pháp luật

[7]. Về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Tại Kết quả xác nhận số 171/GXN – UBND ngày 21/6/2023 của UBND xã C thể hiện hộ ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** có 02 thửa đất đang sử dụng trên địa bàn xã với tổng diện tích 5.166,2m². Diện tích đất bị thu hồi của hộ **T**, bà **X** là 67.8m², tỷ lệ phần trăm thu hồi đất nông nghiệp so với tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã là 1,3%. Như vậy, hộ ông **Trịnh Minh T** không thuộc trường hợp bị thu hồi đất đủ điều kiện để hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[8]. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông **T**, bà **X**.

[9]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;
Bác kháng cáo của ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X**;
Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 164/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông **Trịnh Minh T**, bà **Dương Thị X** được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Tự